

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/DS-PT

Ngày 31 - 8 - 2022

V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Huy Lương.

Các Thẩm phán: Ông Tạ Văn Vinh

Bà Trần Thị Sâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Hữu Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2022/TLPT-DS ngày 07 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

Do bản án sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐ-PT ngày 27 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2022/QĐ-PT ngày 04 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Anh T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn 3, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

2. Bị đơn: Vợ chồng anh Phạm Văn M, sinh năm 1987 và chị Vũ Thị H, sinh năm 1989; Cùng địa chỉ: Thôn 3, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Đức H1; địa chỉ số nhà 49 phố PN, phường PT, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình là luật sư thuộc Văn phòng luật sư ĐH, Đoàn Luật sư tỉnh Ninh Bình.

3. *Người kháng cáo:* Vợ chồng anh Phạm Văn M và chị Vũ Thị H - Bị đơn trong vụ án.

Tại phiên tòa có mặt anh T, chị H, ông H1. Vắng mặt anh M

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25 tháng 10 năm 2021 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn là anh Phạm Anh T trình bày:

Ngày 01/01/2020 anh Phạm Anh T có cho vợ chồng anh M vay số tiền gốc là 135.000.000 đồng (Một trăm ba năm triệu đồng) không tính lãi suất. Không hẹn thời điểm trả nợ. Vợ chồng anh M chị H hẹn thanh toán trong thời gian sớm nhất. Hai bên có làm giấy biên nhận do chính tay vợ chồng anh M chị H viết và ký xác nhận. Do có nhu cầu vốn, anh Phạm Anh T đã nhiều lần đến nhà anh M yêu cầu trả nợ. Tuy nhiên, vợ chồng anh M khất lãn và không thanh toán. Đến thời điểm hiện nay vợ chồng anh M và chị H chưa thanh toán cho anh Phạm Anh T được khoản tiền nào.

Nay anh Phạm Anh T đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh Phạm Văn M và chị Vũ Thị H có trách nhiệm thanh toán cho anh Phạm Anh T số tiền gốc là 135.000.000 đồng (Một trăm ba năm triệu đồng) và khoản tiền lãi suất tính từ ngày khởi kiện 25/10/2021 cho đến khi thanh toán toàn bộ tiền gốc. Anh T đề nghị tính mức lãi theo lãi cho vay của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn chi nhánh N – Ninh Bình. Anh Phạm Anh T đề nghị Tòa án thu thập mức lãi của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Chi nhánh N – Ninh Bình làm căn cứ để tính lãi. Tại thông báo số 13 ngày 31/12/2021 về lãi suất tiền vay của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Chi nhánh huyện N thì mức lãi suất cho vay được tính là 10%/năm tương đương 0.83%/tháng.

Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm bị đơn là vợ chồng Phạm Văn M và chị Vũ Thị H đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm nhưng vợ chồng anh M chị H không đến Tòa án làm việc cũng như không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Anh T là bạn cùng thôn với anh M. Anh T biết anh M thi thoảng có cho người khác vay tiền, nên đầu năm 2020 anh T đã chủ động đến gặp anh M và bảo anh M là anh T có tiền và nhờ anh M quay vòng cho anh T, đồng thời anh T đã đưa cho anh M số tiền là 200.000.000 đồng, khi đưa tiền cho anh M, anh T có yêu cầu anh M phải viết giấy vay tiền của anh T, với thỏa thuận lãi là 1.500 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, còn tiền gốc thì sau một năm sẽ trả. Theo thỏa thuận của hai bên, anh M đã trả lãi đầy đủ cho anh T, khi trả lãi hai bên không viết giấy tờ với nhau.

Đến cuối năm 2020, anh M đã trả số tiền gốc cho anh T là 50.000.000 đồng, sau đó anh M tiếp tục trả gốc cho anh T và chỉ còn nợ anh T số tiền gốc 135.000.000 đồng, hai bên đã hủy giấy vay cũ, đồng thời anh T yêu cầu anh M viết giấy vay mới với số tiền gốc còn nợ là 135.000.000 đồng và anh T đã yêu cầu chị H ký vào giấy vay mới đó. Do anh M vỡ nợ không còn khả năng thanh toán tiền cho gốc cho anh T, anh M đã bảo anh T là lãi tiếp theo thì thôi, anh T nhất trí, còn tiền gốc 135.000.000 đồng anh M sẽ cố gắng dần trả cho anh T, nhưng anh T không nghe và đã khởi kiện anh M, chị H ra Tòa án nhân dân huyện N như trong đơn khởi kiện của anh T đã nêu. Việc anh M, chị H cùng ký vào giấy vay nợ thì anh M, chị H đều phải có nghĩa vụ trả nợ cho anh T và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Anh T. Buộc vợ chồng anh Phạm Văn M và chị Vũ Thị H phải thanh toán số nợ gốc cho anh Phạm Anh T số tiền là 135.000.000 đồng (Một trăm ba năm triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày khởi kiện 25/10/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 06/4/2022 là 5.976.000 đồng (Năm triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn đồng)

Tổng cộng tiền gốc và lãi vợ chồng anh M chị H phải thanh toán cho anh T là: 140.976.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, lãi chậm trả và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20/4/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình nhận được đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình của bị đơn anh Phạm Văn M đề ngày 19/4/2022 với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình đã chuyển đơn kháng cáo về Tòa án nhân dân huyện N để thực hiện thủ tục kháng cáo theo quy định của pháp luật. Tại văn bản ngày 18/5/2022, bị đơn chị H vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo theo đơn kháng cáo đề ngày 19/4/2022. Bị đơn kháng cáo cho rằng bản án sơ thẩm tính lãi theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không đúng với bản chất sự việc. Vì sau khi vỡ nợ anh M đã thống nhất với anh T là cho anh M xin tiền lãi nhưng không lập giấy tờ về nội dung này nên đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, sau khi tranh tụng tại phiên tòa các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và giao nộp cho Hội đồng xét xử Biên bản thỏa thuận với nội dung: Tại bản án sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình đã xử buộc vợ chồng anh Phạm Văn M và chị Vũ Thị H phải thanh toán số tiền còn nợ cho anh Phạm Anh T số tiền gốc là số tiền là 135.000.000 đồng (Một trăm ba năm triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày khởi kiện 25/10/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 06/4/2022 là 5.976.000 đồng (Năm triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) đến nay các đương sự thống nhất thỏa thuận: Vợ chồng anh Phạm Văn M và chị Vũ Thị H còn phải thanh toán số tiền còn nợ cho anh Phạm Anh T số tiền gốc là 135.000.000 đồng (Một trăm ba năm triệu đồng) không yêu cầu vợ chồng anh M, chị H phải trả khoản tiền lãi và đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 300 khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử sửa bản án sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo nội dung biên bản thỏa thuận và tính lại án phí sơ thẩm theo nội dung thỏa thuận. Án phí dân sự phúc thẩm buộc vợ chồng anh Phạm Văn M và chị Vũ Thị H phải chịu tiền án phí phúc thẩm được đối trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà chị H đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn, làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên xác định là hợp lệ và được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Bị đơn anh Phạm Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung kháng cáo của bị đơn.

Trên cơ sở các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm đã xác định được: Vào thời điểm tháng 01/2020, vợ chồng anh Phạm Văn M và chị Vũ Thị H còn nợ anh Phạm Anh T số tiền gốc là 135.000.000 đồng. Hai bên không thỏa thuận tiền lãi và thời hạn trả nợ. Nội dung trên được thể

hiện tại Giấy xác nhận nợ ngày 01/01/2020 (Bút lục 02) có chữ ký của vợ chồng anh Phạm Văn M và chị Vũ Thị H. Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án với nội dung vợ chồng anh Phạm Văn M và chị Vũ Thị H còn phải thanh toán số tiền còn nợ cho anh Phạm Anh T số tiền gốc là 135.000.000 đồng (Một trăm ba năm triệu đồng) không yêu cầu vợ chồng anh M, chị H phải trả khoản tiền lãi và đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên được công nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 300 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do đó, nội dung kháng cáo của bị đơn được giải quyết theo sự thỏa thuận thống nhất của các đương sự.

Án phí dân sự sơ thẩm được tính lại theo nội dung thỏa thuận của các đương sự theo khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu theo quy định tại khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 300 khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ: Điều 463, 466, 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26; khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Sửa bản án sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Buộc vợ chồng anh Phạm Văn M và chị Vũ Thị H phải thanh toán số nợ gốc cho anh Phạm Anh T số tiền là 135.000.000 đồng (Một trăm ba năm triệu đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

1.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Phạm Văn M và chị Vũ Thị H phải chịu là 6.750.000 đồng (Sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Trả lại cho anh Phạm Anh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0003382 ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N là 3.375.000 đồng (Ba triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn vợ chồng anh Phạm Văn M và chị Vũ Thị H phải chịu án phí phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm chị H đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2021/0003477 ngày 18/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Ninh Bình. Bị đơn đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 31 tháng 8 năm 2022.

Nơi nhận:

- Tòa án cấp cao tại Hà nội;
- Tòa án nhân dân huyện N;
- Viện kiểm sát tỉnh Ninh Bình;
- Phòng KTNV-THA;
- Chi cục THA dân sự huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đinh Huy Lương